

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 35 Công Ty CP Acecook Việt Nam/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM

Địa chỉ: LÔ SỐ II-3, ĐƯỜNG SỐ 11, NHÓM CN II, KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH,
PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Điện thoại: 02838154064 Fax: 02838154067

Email: info@acecookvietnam.com

Mã số doanh nghiệp: 0309809687

Giấy chứng nhận HACCP:

STT	Số giấy CN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nhà máy sản xuất
1	VN 1700177.00	24.08.2018	SGS Việt Nam	Địa chỉ: Lô II-3, đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Kí hiệu nhà máy sản xuất: SG.

Mã hồ sơ: BNLT12/04-19

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: MÌ TỐ ẮN LIỀN NHỜ MỠ MỀM HƯƠNG VỊ LẬU THAI

2. Thành phần:

Vắc Mi: Bột mì (bột mì cứng và bột mì mềm), dầu thực vật (dầu cọ, chất chống oxy hóa (BHT (320), BHT (321))), tinh bột, muối, đường, nước mắm, chất điều vị (monosodium glutamate (621)), chất ổn định (potassium triphosphate (451(i)), kali carbonate (501(i))), chất nhũ hóa (sodium carboxymethyl cellulose (466)), chất điều chỉnh độ acid (sodium acetate (508(i))), chất tạo màu tự nhiên (curcumin (100(i))), bột nghệ.

Các gia vị: Dịch mỡ, dầu thực vật (dầu cọ, chất chống oxy hóa (BHT (320), BHT (321))), muối, đường, chất điều vị (monosodium glutamate (621)), disodium 5'-inosinate (631), disodium 5'-guanylate (627), disodium succinate), vụn sây (cá, chiết xuất từ cá, chất tạo màu tự nhiên (curcumin (120(i))), các gia vị, củ hành tím sấy (chiết xuất từ ớt), hành lá sấy, rong biển sấy, chất điều chỉnh độ acid (acid citric (330)), nước mắm, ngò gai sấy, chiết xuất nấm men, hương chanh tổng hợp, chất chống đông vón (dicacyd silic vô định hình (551)), chất tạo màu tự nhiên (paprika oleoresin (160c), curcumin (100(i))), chất tạo ngọt tổng hợp (aspartam (951)).

Số tiêu chuẩn: TC: 60-18

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

5 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên lớp màng bao ngoài vỏ.

Quy cách in ngày sản xuất và hạn sử dụng:

NSX_ngày_tháng_năm_ký hiệu nhà máy sản xuất và thông tin khác tùy từng nhà máy.

HSD_ngày_tháng_năm

Thông tin * ký hiệu nhà máy sản xuất, và thông tin khác tùy từng nhà máy * có thể in cùng dòng với NSX hoặc cùng dòng với HSD tùy tình hình cho phù hợp với từng nhà máy.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh 1 túi (gỗ): 84 g +/- 4,5 g

Số lượng túi/thùng carton: 12 túi/thùng.

Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đựng trong túi nhựa cấu trúc PP (polypropylene), cấu trúc nắp tờ giấy couche'/MPET/LLDPE, cấu trúc lớp trong của nắp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm PE (polyetylen). Sau đó các túi thành phẩm được đóng vào thùng carton.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa, tham chiếu thông tư 34/2014/TT-LT-BYT-BNNPTNT-BCT

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Giới hạn kim loại nặng: phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-2:2011/BYT
1	Cadmium (Cd)	mg/kg	0,2	Mục 2.20
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	Mục 3.18

Mã hồ sơ: BNLT12/04-19

2. Giới hạn độc tố vi nấm: phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-1:2011/BYT
1	Aflatoxin B ₁	µg/kg	2,0	Mức 1,6
2	Aflatoxin tổng số (B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂)	µg/kg	4,0	Mức 1,6
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0	Mức 2,2
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750,0	Mức 4,4
5	Zearalenone	µg/kg	75,0	Mức 5,3

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: phù hợp QĐ 46/2007/QĐ-BYT; Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, mục 6.5.2.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10 ⁶
2	Coliform	cfu/g	10,0
3	E-Coli	mpn/g	3,0
4	S.aureus	cfu/g	10,0
5	Cl. Perfringens	cfu/g	10,0
6	B. cereus	cfu/g	10,0
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/g	10 ⁶

4. Các chỉ tiêu hóa lý: tham khảo theo tiêu chuẩn CODEX STAN 249-2006, TCVN 7879: 2008.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Độ ẩm vật mị	%	10,0
2	Chỉ số acid của vật mị	mg KOH/g	2,0

5. Dao động thành phần dinh dưỡng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên	Khoảng dao động +/- 20%
1	Giá trị năng lượng	kcal/84 g	350	280 ~ 420
2	Hàm lượng chất béo	g/84 g	15,2	12,2 ~ 18,2
3	Hàm lượng carbohydrate	g/84 g	46,1	36,9 ~ 55,3
4	Hàm lượng chất đạm	g/84 g	7,1	5,7 ~ 8,5

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2019

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN
ACECORK
VIỆT NAM

Mã hồ sơ: BNLT12/04.19

TAMADA NUTRITION
GD, Kinh Marketing
General Manager, Marketing DV

Mã hồ sơ: BNLT12/04.19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CANADA NOTARIZED
GD, Kinh Marketing
General Manager, Marketing DV





TAMADA MOTOHIKO
GD. Khối Marketing
General Manager, Marketing Div

Mã hồ sơ: BNLT12/04.19